

Số: *06* /2017/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *14* tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng
Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Bình:

1. Phạm vi áp dụng: Phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

2. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

3. Đối tượng miễn nộp phí: Không.

4. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết lần đầu:

Đơn vị tính: đồng/đề án

Vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤ 50 tỷ đồng	> 50 tỷ đồng và ≤ 100 tỷ đồng	> 100 tỷ đồng
Nhóm 1. Cơ sở xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5.000.000	6.000.000	10.000.000
Nhóm 2. Cơ sở công trình dân dụng	6.500.000	8.000.000	15.000.000
Nhóm 3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	7.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 4. Cơ sở nông, lâm nghiệp, thủy sản	7.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 5. Cơ sở giao thông	7.500.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 6. Cơ sở công nghiệp	8.000.000	9.000.000	15.000.000
Nhóm 7. Cơ sở khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5.000.000	6.000.000	10.000.000

b) Mức thu phí thẩm định lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết: Bằng 50% mức phí thẩm định lần đầu tương ứng trong biểu nêu trên.

5. Đơn vị thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường.

6. Nộp, quản lý và sử dụng phí:

Đơn vị thu phí được trích để lại 80% số tiền phí thu được để chi dùng cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và nộp 20% vào ngân sách cấp tỉnh.

7. Thời gian thu phí: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVI, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở; ban; ngành thuộc tỉnh;
- TT Huyện ủy; Thành ủy;
- TT HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Báo TB; Công báo; Cổng thông tin điện tử TB;
- Lưu: VT, TH.



Đặng Trọng Thăng